TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 tháng 04 năm 2022
V/v ly hôn giữa chị H và anh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu**.**
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
Ông Phạm Hồng Thái
Ông Nguyễn Văn Chuyết
- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983; Nơi ĐKHKTT: Xóm 17, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Địa chỉ hiện nay: TDP V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn D, sinh năm: 1979; Nơi ĐKHKTT: Xóm 17, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện đang chấp hành án tại: Đội 21, phân trại số 2, Trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H, anh D (đều có đơn xin đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2022, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn D kết hôn vào tháng 09 năm 2007 có được đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau cưới vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị có nghi ngờ anh D nghiện ma túy, chị có khuyên bảo anh nhưng anh không nghe còn đánh đập chị, vì

vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị bỏ về mẹ đẻ ở từ đầu năm 2012. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Phương A, sinh ngày 20/09/2008, hiện nay con chung đang ở cùng với anh D và bố mẹ anh D. Sau ly hôn chị nhất trí để anh D nuôi dưỡng và nhận cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh D mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Trần Văn D trình bày:

Anh và chị H có thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào tháng 7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, quá trình chung sống sinh được 01 con chung là Trần Phương A, sinh ngày 20/09/2008, năm 2010 chị H tự bỏ nhà anh đi từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý ly hôn. Con chung anh yêu cầu được nuôi.

Về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình: Đề nghị HĐXX, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D. Về con chung: Giao anh Trần Văn D có trách nhiệm nuôi con chung Trần Phương A, sinh ngày 20/09/2008, hiện nay do anh D đang chấp hành án nên con chung đang ở cùng với bố mẹ anh D. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh D mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành tự lập.

Tài sản, công nợ: Chị H, anh D không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử

vắng mặt chị H và anh D là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Về thời gian kết hôn: Theo chị H; chị và anh D đăng ký kết hôn vào tháng 9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Theo anh D; anh và chị H đăng ký kết hôn vào tháng 7/2008. Trích lục kết hôn được thể hiện chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 02/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Do vậy xác định: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D kết hôn với nhau tháng 09/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau cưới vợ chồng chung sống không hòa thuận, năm 2012 chị H về nhà mẹ đẻ ở, anh D nghiện ma túy và đã vi phạm pháp luật, hiện tại anh D đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh D có lời khai cũng đồng ý ly hôn.

Xét thực tế cuộc hôn nhân giữa chị H và anh D đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị H có yêu cầu ly hôn, anh D có lời khai nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là Trần Phương A, sinh ngày 20/09/2008, từ khi chị H bỏ đi cháu A ở cùng anh D và bố mẹ anh D, hiện nay anh D đang phải chấp hành án, cháu Trần Phương A vẫn ở cùng bố mẹ anh D là bà Đoàn Thị N và ông Trần Văn B. Cháu Trần Phương A có đơn đề nghị trình bày: Từ khi cháu được 2 tuổi mẹ cháu đã bỏ đi, cháu ở với bố và ông bà nội, nếu bố mẹ ly hôn cháu đề nghị được ở với bố và ông bà nội. Chị H cũng có lời khai nhất trí để anh D nuôi dưỡng. Do vậy, nên giao anh D có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung (hiện cháu Trần Phương A đang ở cùng ông bà nội là bà Đoàn Thị N và ông Trần Văn B**,** chấp nhận sự tự nguyện của chị H nhận cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh D mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành tự lập.

[4] Về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Chị H, anh D không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D.

2. Con chung: Giao anh Trần Văn D có trách nhiệm nuôi con chung Trần Phương A, sinh ngày 20/09/2008 (Cháu Trần Phương A đang ở cùng với bố mẹ anh D là bà Đoàn Thị N và ông Trần Văn B). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H nhận cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh D mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành tự lập. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn.

3. Án phí:

- Án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001920 ngày 16/02/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- UBND TT Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu